

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN S  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ - ST  
Ngày 22 tháng 9 năm 2023  
V/v : “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Mến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Đình Trân
2. Ông Đinh Văn Ngoan

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Hồng Buôi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2023/TLST-HNGĐ ngày 19/6/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Đinh Văn O, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

3. Người phiên dịch: Bà Đinh Thị H – Cán bộ hưu trí thị trấn Di, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 15/6/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:*

Chị và anh Đinh Văn O kết hôn vào ngày 02 tháng 01 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Quá trình chung sống chị và anh O chưa có con.

Thời gian đầu chị và anh O sống hạnh phúc, nhưng đến tháng 10 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù, mâu thuẫn giữa chị và anh O được gia đình hai bên khuyên nhủ nhưng tình hình vẫn không thay đổi, trái lại mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng nên chị và anh O sống ly thân không quan tâm đến nhau.

Nay xét thấy không thể kéo dài cuộc sống chung với anh O được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đinh Văn O.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản: Không có.

*Đối với bị đơn anh Đinh Văn O:* Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh O từ chối ký nhận văn bản tố tụng và không đến Tòa án để trình bày ý kiến. Do đó, Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự được. Tòa án đã lập các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa:*

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội, tuyên xử chị Phạm Thị L được ly hôn anh Đinh Văn O.

Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị Phạm Thị L, xác định đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình “Ly hôn”. Bị đơn là anh Đinh Văn O có địa chỉ tại xã S, huyện S nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Hà theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Đinh Văn O kết hôn vào ngày 02/01/2020 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu chị L và anh O sống hạnh phúc, nhưng đến tháng 10 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù, mâu thuẫn giữa chị L và anh O được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng vẫn không thay đổi, trái lại mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng nên chị L và anh O sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng của chị L và anh O cũng đã được chính quyền xác nhận là có thật. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh n ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Đinh Văn O là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Chị Phạm Thị L khai giữa chị và anh Đinh Văn O chưa có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ: Chị Phạm Thị L xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[5]. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L được ly hôn anh Đinh Văn O.
2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số: 0005075 ngày 19/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.
3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.
4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- VKSND huyện S;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- THADS huyện S;
- UBND xã S; huyện S;
- UBND xã B, huyện B.
- Lưu Hồ sơ + Ấn văn.

(Đã ký)

**Trần Mến**



